TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 02 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bình Đảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Mộng Lành.**
2. Ông **Hà Minh Hằng**.

Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghị - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 và thông báo dời ngày mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T (B) , sinh năm 1980 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp 10, xã Đ, huyện A1, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị M; có chồng tên Phạm Văn H và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2017 cho đến nay. (Có mặt).

- Bị hại:

Bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1966 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bà Trần Thị D, sinh năm 1975 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bà Tống Thị U, sinh năm 1972 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bà Bùi Thị Thùy D1, sinh năm 1976 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần có tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ nên Nguyễn Ngọc T tự dựng lên dây hụi với số tiền 3.000.000đ/1 chân tại khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. T đến gặp trực tiếp nói dối với Tống Thị U dây hụi áp ngày 19/01/2017 (âm lịch), có 24 người tham gia, hụi 15 ngày xổ 01 lần, hụi xổ giá chết 600.000đ, đóng tiền 2.400.000đ/lần. Sau đó T đến gặp trực tiếp nói dối với Huỳnh Kim L dây hụi áp ngày 02/02/2017 (âm lịch), hụi 15 ngày xổ 01 lần, hụi xổ giá chết 500.000đ, đóng tiền 2.500.000đ/lần. T không nói với L dây hụi này có bao nhiêu người tham gia, T không lập danh sách các hụi viên. T tiếp tục đến gặp trực tiếp và nói dối với Nguyễn Thị T1 dây hụi áp ngày 02/02/2017 (âm lịch), có 24 người tham gia, hụi 15 ngày xổ 01 lần, hụi xổ giá chết 500.000đ, đóng tiền 2.500.000đ/lần. T tiếp tục đến gặp trực tiếp và nói dối với Bùi Thị Thùy D1 là dây áp hụi ngày 02/02/2017 (âm lịch), có 24 người tham gia, hụi 15 ngày xổ 01 lần, hụi xổ giá chết 600.000đ, đóng tiền 2.400.000đ/lần. T nói với Trần Thị D dây hụi này có 25 người tham gia, hụi 10 ngày xổ 01 lần, hụi xổ giá chết là 500.000đ, đóng tiền hụi 2.500.000đ/lần. Do tin tưởng là thật nên Huỳnh Kim L, Nguyễn Thị T, Tống Thị U, Trần Thị D và Bùi Thị Thùy D1 đã tham gia chơi dây hụi do T làm chủ dây hụi không có thật. T trực tiếp đến nhà thu tiền hụi của L được 03 lần với tổng số tiền là 7.500.000đ, thu tiền hụi của T1 03 lần với tổng số tiền là 7.400.000đ, thu tiền hụi của Trần Thị D được 02 lần với tổng số tiền là 5.000.000đ. T trực tiếp đến nhà thu tiền hụi của U và D mỗi người được 03 lần với tổng số tiền của mỗi người là 7.200.000đ. Từ việc lập dây hụi khống, T đã chiếm đoạt tổng số tiền hụi của L, T1, U, Trần Thị D và Bùi Thị Thùy D1 với tổng số tiền là 34.300.000đ, T sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 27/3/2017, Nguyễn Thị T1 phát hiện T đi khỏi địa phương nên có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với T. Sau đó, Huỳnh Kim L và Trần Thị D có đơn yêu cầu xử lý vụ việc theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc T đã bồi thường xong cho những người bị hại gồm Huỳnh Kim L số tiền 7.500.000đ; Nguyễn Thị T1 số tiền với số tiền 7.400.000đ; Tống Thị U và Bùi Thị Thùy D1 mỗi người với số tiền là 7.200.000đ và Trần Thị D với số tiền là 5.000.000đ. Những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 01/CTr-VKS ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T (B) về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng pháp luật và xử phạt bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn

Ngọc T (B) từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thỏa thuận và bồi thường xong cho những người bị hại. Những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên miễn xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã hối hận nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa, tuy nhiên những người bị hại đều vắng mặt, xét thấy trong quá trình điều tra đã có lời khai của những người này và họ có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa đã làm rõ: Ngày 19/01/2017 (âm lịch), do cần có tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ, nên Nguyễn Ngọc T nảy sinh ý định tự dựng lên dây hụi 3.000.000đ/1 chân hụi, chân hụi này không có thật để chiếm đoạt tiền của người khác ở thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. T nói dối với Trần Thị D dây hụi có 25 người tham gia, thời gian xổ hụi là 10 ngày xổ một lần. T nói dối với Tống Thị U, Huỳnh Kim L, Nguyễn Thị T1 và Bùi Thị Thùy D1 dây hụi có 24 người tham gia, thời gian xổ hụi là 15 ngày xổ một lần. Do tưởng dây hụi là có thật nên Huỳnh Kim L, Nguyễn Thị T1, Tống Thị U, Trần Thị Dung và Bùi Thị Thùy Dung đã tham gia chơi hụi và đóng tiền hụi cho T. Từ ngày 19/01/2017 (âm lịch) đến ngày 02/02/2017 (âm lịch), T đã 03 lần thu tiền hụi của của Huỳnh Kim L, Nguyễn Thị T1, Tống Thị U, Trần

Thị D và Bùi Thị Thùy D1, chiếm đoạt tổng số tiền là 34.300.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét về tính chất mức độ, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm mất an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bởi lẽ, bị cáo đều có đầy đủ năng lực hành vi biết và nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì nhu cầu cá nhân, cần tài sản sử dụng, bị cáo đã tự dựng lên đây hụi 3.000.000 đồng rồi nói dối với những người bị hại, nhằm lấy tiền của những người bị hại, hành vi gian dối của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện chỉ vì lợi ích cá nhân, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn tỏ ra biết ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường xong cho những người bị hại, những người bị hại cũng không yêu cầu gì thêm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T để giảm nhẹ phần nào về mức hình phạt cho các bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Về quan điểm đề nghị của kiểm sát viên: Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo về hình phạt, trách nhiệm dân sự là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T (Bé) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009). Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T (B) 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2018.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T (B) cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thỏa thuận và bồi thường xong cho những người bị hại. Những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên miễn xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định pháp luật.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 02/02/2018. Những người bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự ;
- NTG; CA huyện An Biên;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Bình Đảo